

Số: 95 /BC-VBG

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
 2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65 phố An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 3. Điện thoại: 024. 3823 3786; Fax: 024 3723 3483;
Email: vanphongdcvb@gmail.com
 4. Vốn điều lệ: 86 tỷ VNĐ
 5. Mã chứng khoán: VBG
 6. Mô hình quản trị Công ty
 - Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc
 - Việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện
- I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**
- Thực hiện kế hoạch số 30/VBG-HĐQT ngày 10/2/2026, Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 20/5/2026 tại Số 65 phố An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	77/NQ -VBG	20/5/2026	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch	30/3/2017	20/5/2026
2	Ông Bùi Trần Đông	Chủ tịch	20/5/2026	
3	Ông Nguyễn Danh Tuyên	Thành viên	26/01/2016	
4	Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	26/01/2016	
5	Ông Hồ Mạnh Cường	Thành viên	23/4/2021	
6	Ông Lưu Quốc Dũng	Thành viên	21/4/2023	

2. Các cuộc họp HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Bình	10	100%	100 %	
2	Ông Bùi Trần Đông	4	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Danh Tuyên	14	100%	100 %	
4	Ông Nguyễn Vũ Hải	14	100%	100 %	
5	Ông Hồ Mạnh Cường	14	100%	100 %	
6	Ông Lưu Quốc Dũng	14	100%	100 %	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc :

HĐQT thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban Giám đốc về thực hiện các văn bản của HĐQT. Do vậy, mọi vấn đề của HĐQT đều được Ban điều hành thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không

5. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ -VBG	02/01/2026	NQ v/v thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó quản đốc PXCD; Phó trưởng phòng TCHC và bổ nhiệm lại Phó trưởng phòng KHVT	100
2	03/NQ -VBG	02/01/2026	NQ v/v thông qua việc tạm giao Kế hoạch PHKD và Kế hoạch đầu tư năm 2026	100
3	04/NQ -VBG	02/01/2026	NQ v/v thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch năm 2026	100
4	05/NQ -VBG	02/01/2026	NQ v/v thông qua việc giao kế hoạch SXKD Quý I/2026	100
5	06/NQ -VBG	02/01/2026	NQ v/v thông qua Quy chế Tổ chức thăm hỏi cán bộ lãnh đạo, người lao động và gặp mặt CBCNV đã nghỉ hưu; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đua khen thưởng	100
6	07/QĐ-VBG	02/01/2026	QĐ v/v tạm giao kế hoạch phối hợp kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2026	100
7	10/NQ-VBG	07/01/2026	NQ v/v thông qua kết quả thực hiện quy trình nhân sự xem xét bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc Công ty	100
8	14/NQ-VBG	20/01/2026	NQ v/v thông qua dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất của Công ty năm 2026	100
9	14.1/NQ -VBG	20/01/2026	NQ v/v thông qua ký kết hợp đồng với các bên liên quan năm 2026	100
10	16/NQ -VBG	30/01/2026	NQ v/v thông qua điều chỉnh chuyển bước đầu tư dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026	100
11	17/NQ - VBG	30/01/2026	NQ v/v thông qua phương án sắp xếp lao động năm 2026	100
12	18/NQ -VBG	30/01/2026	NQ v/v thông qua Quy chế quản lý xuất cảnh đối với cán bộ, công nhân viên trong Công ty	100
13	26/NQ -VBG	04/02/2026	NQ thông qua việc bổ nhiệm cán bộ	100

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	28/NQ -VBG	04/02/2026	NQ thông qua chủ trương và điều động bổ nhiệm cán bộ	100
15	32/NQ -VBG	11/02/2026	NQ thông qua ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	100
16	36/QĐ -VBG	25/02/2026	QĐ v/v thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty	100
17	40/NQ -VBG	10/3/2026	NQ v/v điều chỉnh thời gian tổ chức và ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	100
18	45/NQ-VBG	30/3/2026	NQ v/v thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100
19	46/NQ -VBG	30/3/2026	NQ v/v thông qua việc giao kế hoạch SXKD Quý II/2026	100
20	52/NQ -VBG	28/4/2026	NQ v/v thông qua phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2026	100
21	53/NQ-VBG	28/4/2026	NQ v/v thông qua việc lập địa điểm kinh doanh	100
22	54/NQ-VBG	28/4/2026	NQ v/v thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty	100
23	55/NQ-VBG	28/4/2026	NQ v/v thông qua việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100
24	56/NQ-VBG	28/4/2026	NQ v/v thông qua chủ trương kiện toàn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng TCHC	100
25	58/QĐ-VBG	28/4/2026	QĐ v/v phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV thuộc diện Tập đoàn quản lý giai đoạn 2025 - 2030 (sau rà soát)	100
26	06/QĐ-VBG	04/5/2026	QĐ v/v ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty	
27	66/NQ-VBG	12/5/2026	NQ v/v thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại cán bộ	100
28	67/NQ-VBG	12/5/2026	NQ v/v thông qua việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng TCHC	100
29	68/NQ-VBG	12/5/2026	NQ v/v thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty	100
30	69/QĐ-VBG	15/5/2026	QĐ v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100
31	77/NQ-VBG	20/5/2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	100
32	79/NQ-VBG	20/5/2026	NQ v/v bầu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV, nhiệm kỳ 2026 - 2031	100
33	81.2/NQ-VBG	21/5/2026	NQ v/v thông qua báo cáo xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và giai đoạn 5 năm 2026 - 2030	100
34	86/NQ-VBG	03/6/2026	NQ v/v giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi đối với bà Phan Thị Hồng Hải	100
35	90/NQ-VBG	11/6/2026	NQ v/v bổ nhiệm lại Phó giám đốc và phân công nhiệm vụ HĐQT Công ty	100
36	91/QĐ-VBG	11/6/2026	QĐ v/v phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty	100

III. Ban Kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	21/4/2018	Cử nhân Kinh tế Ngành kế toán
2	Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên	26/1/2016	
3	Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	26/1/2016	

2. Các cuộc họp Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	02	100 %	100 %	
2	Bà Vũ Thị Thủy	02	100 %	100 %	
3	Bà Trần Thị Kim Thanh	02	100 %	100 %	

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát Công ty ghi nhận chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban điều hành.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác : Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Báo cáo tài chính được gửi cho BKS.

Trưởng ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT và giao ban sản xuất tháng. Ban kiểm soát nắm bắt và theo dõi sát sao mọi hoạt động của Công ty. Hàng quý Ban kiểm soát đều xem xét Báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra kiến nghị đối với Công ty.

Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc và các Cổ đông.

Ban kiểm soát đã giám sát chặt chẽ, theo dõi tình hình hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026, các công tác quản lý và các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT, BDH đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

5. Hoạt động khác (nếu có): Không

IV. Ban điều hành:

TT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Danh Tuyên	Giám đốc	09/6/1979	Thạc sỹ Kỹ thuật địa chất	01/01/2023
2	Ông Hồ Mạnh Cường	Phó Giám đốc	16/12/1970	Thạc sỹ Kỹ thuật địa chất	01/7/2021 (bổ nhiệm lại 01/7/2026)
3	Ông Đỗ Xuân Kiên	Phó Giám đốc	03/9/1983	Thạc sỹ Kỹ thuật địa chất	05/02/2026

V. Kế toán trưởng:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Cao Thị Tuyết Lan	20/11/1977	Cử nhân kinh tế	24/4/2018

VI. Đào tạo về quản trị Công ty: Không

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty	Giấy CNĐKDN Số CMND,CC CD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Tập đoàn Công nghiệp Than- KSVN (TKV)				Số 3 - Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội				Ông Bùi Trần Đông người đại diện phần vốn
1.1	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc - CTCP			0100100015 ngày cấp 23/01/2006	Số 1 Phan Đình Giót - Phương Liệt - Hà Nội				Ông Bùi Trần Đông người đại diện phần vốn
1.2	CTCP Sắt Thạch Khê			3001074049 cấp ngày 22/10/2009	Số 64 Phan Đình Phùng, Phường Thành Sen, Tỉnh Hà				Ông Bùi Trần Đông người đại diện phần vốn
1.3	CTCP Than Hà Lâm			5700101637	Số 01,Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Tỉnh Quảng Ninh				
1.4	CTCP Than Núi Béo			5700101700	Số 799, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh				
1.5	Công ty Than Dương Huy			5700100256 032	Tổ 5, Khu phố Trần Hưng Đạo, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh				
1.6	Công ty tuyển Than Hòn Gai			5700100256 002	Số 46, Phố Đoàn Thị Điểm, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh				
1.7	Công ty Than Nam Mẫu			5700100256 058	Số 1A, Trần Phú, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh				
1.8	CTCP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV			5702162138	Số 42, Phố Kim Đồng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh				
1.9	CTCP Than Cao Sơn			5702053837	Tổ 01, Khu Cao Sơn, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh				

1.10	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin			5700101877	Số 969 đường Bạch Đằng, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh				
1.11	CT Than Quang Hanh - TKV			5700100256 059	Số 302, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh				
1.12	CTCP Than Mông Dương			5700101203	Tổ, Khu 3, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh				
1.13	CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin			100100689	Số 5, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội				
1.14	Tổng công ty khoáng sản - CTCP			100103087	Số 193, Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội				
1.15	Công ty Than Mạo Khê - TKV			5700100256 -030	Khu Dân Chủ, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh				
1.16	CTCP Than - Điện - Nông Sơn - TKV			4000463735	Thôn Nông Sơn, xã Nông Sơn, TP Đà Nẵng				
2	Bùi Trần Đông		Chủ tịch HĐQT		Số 3 - Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội	20/5/2026			
3	Nguyễn Danh Tuyên		TV. HĐQT/Giám đốc Công ty		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	26/01/2016			
4	Hồ Mạnh Cường		TV. HĐQT/Phó giám đốc Công ty		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	23/4/2021			
5	Nguyễn Vũ Hải		TV. HĐQT		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	26/01/2016			
6	Lưu Quốc Dũng		TV. HĐQT/TP. Trợ lý Giám đốc		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	21/4/2023			
7	Cao Thị Tuyết Lan		Kế toán trưởng		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	24/4/2018			
8	Đỗ Thị Minh Nguyệt		Trưởng ban kiểm soát		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	24/4/2018			
9	Vũ Thị Thủy		TV. BKS/TP TCHC		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	26/01/2016			
10	Trần Thị Kim Thanh		TV. BKS/Trưởng phòng Kế hoạch vật tư		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	26/01/2016			
11	Trần Thi Tố Uyên		Người phụ trách QTCT. Thư ký/PTP. TCHC		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	01/9/2024			

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: có danh sách chi tiết kèm theo.

3. Giao dịch giữa với người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không

4. Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác: Không

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Giấy CNĐKDN Số CMND,CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại	Ghi chú
1	Bùi Trần Đông		Chủ tịch HĐQT		Số 3 - Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội	0	0	
1.1	Tập đoàn Công nghiệp Than- KSVN (TKV)			5700100256 ngày cấp 04/09/1998	Số 3 - Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội	7.912.000	92	Người đại diện vốn của TKV tại VBG
1.2	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc - CTCP			0100100015 ngày cấp 23/01/2006	Số 1 Phan Đình Giót - Phương Liệt - Hà Nội	0	0	Người đại diện vốn của TKV tại MVB
1.3	CTCP Sắt Thạch Khê			3001074049 cấp ngày 22/10/2009	Số 64 Phan Đình Phùng, Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	0	0	Người đại diện vốn của TKV tại công ty Sắt Thạch Khê
1.4	Bùi Xuân Thu					0	0	Bố đẻ
1.5	Trần Thị Nhuận					0	0	Mẹ đẻ
1.6	Vũ Khởi Nghiệp					0	0	Bố vợ
1.7	Lê Thị Kim Tuyến					0	0	Mẹ vợ
1.8	Vũ Thị Thu Hiền					0	0	Vợ
1.9	Bùi Quỳnh Anh					0	0	Con gái
1.10	Nguyễn Việt Thắng					0	0	Con rể
1.11	Bùi Khánh Linh					0	0	Con gái
1.12	Bùi Thị Hằng					0	0	Em gái
1.13	Từ Hải Lâm					0	0	Em rể
1.14	Bùi Thị Phương					0	0	Em gái
1.15	Mai Văn Tín					0	0	Em rể
1.16	Bùi Thị Phượng					0	0	Em gái
1.17	Vũ Văn Nháp					0	0	Anh trai vợ
1.18	Tạ Thị Hòa					0	0	Chị dâu vợ
1.19	Vũ Thị Kim Diễm					0	0	Chị gái vợ

1.20	Trần Khánh					0	0	Anh rể vợ
1.21	Vũ Thị Tuyên					0	0	Chị gái vợ
1.22	Dương Văn Dự					0	0	Anh rể vợ
2	Nguyễn Danh Tuyên		TV HĐQT- Giám đốc Công ty		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	16.300	0.19	
2.1	Nguyễn Văn Chương					0	0	Bố đẻ đã mất
2.2	Đỗ Thị Hòa					0	0	Mẹ đẻ
2.3	Vũ Duy Thành					0	0	Bố vợ đã mất
2.4	Nguyễn Thị Luyện					0	0	Mẹ vợ
2.5	Vũ Thị Thúy Loan					0	0	Vợ
2.6	Nguyễn Danh An					0	0	Con
2.7	Nguyễn Danh Phú					0	0	Con
2.8	Nguyễn Minh Tuấn					0	0	Anh trai
2.9	Nguyễn Minh Huân					0	0	Em trai
2.10	Vũ Thị Mỹ Hạnh					0	0	Chị dâu
2.11	Lê Thị Thủy					0	0	Em dâu
2.12	Vũ Thùy Linh					0	0	Em gái vợ
2.13	Trần Văn Biên					0	0	Em rể vợ
3	Nguyễn Vũ Hải		TV HĐQT		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	48.900	0.57	
3.1	Nguyễn Vũ Đoan					0	0	Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Bé					0	0	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thế Lương					0	0	Bố vợ
3.4	Nguyễn Thị Lương					0	0	Mẹ vợ
3.5	Nguyễn Thị Xen					600	0.0007	Vợ
3.6	Nguyễn Vũ Minh					0	0	Con
3.7	Nguyễn Vũ Quang					0	0	Con
3.8	Nguyễn Vũ Hùng					600	0.0007	Anh trai
3.9	Nguyễn Vũ Thắng					0	0	Em trai
3.10	Nguyễn Thị Thu					0	0	Em gái
4	Hồ Mạnh Cường		TV HĐQT - Phó giám đốc Công ty		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	13.000	0.15	
4.1	Hồ Ngọc Cừ					0	0	Bố đẻ đã mất
4.2	Nguyễn Thị Dung					0	0	Mẹ đẻ
4.3	Đặng Đình Ninh					0	0	Bố vợ
4.4	Nguyễn Minh Phương					0	0	Mẹ vợ
4.5	Đặng Phương Hoa					0	0	Vợ

4.6	Hồ Ngọc Minh					0	0	Con đẻ
4.8	Nguyễn Ngọc Hà Phương					0	0	Con dâu
4.9	Hồ Gia Hưng					0	0	Con đẻ
4.10	Hồ Lan Phương					0	0	Chị ruột
5	Lưu Quốc Dũng		TV HĐQT - Trưởng phòng Kỹ thuật địa chất		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2.000	0.02	
5.1	Lưu Quang Tiến					0	0	Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Hồng Nhân					0	0	Mẹ đẻ
5.3	Hà Trung Tuyển					0	0	Bố vợ
5.4	Nguyễn Thị Lập					0	0	Mẹ vợ
5.5	Hạ Thị Tuyết					0	0	Vợ
5.6	Lưu Quốc Anh					0	0	Con
5.7	Lưu Quang Anh					0	0	Con
5.8	Lưu Thị Tuyết Lan					0	0	Em gái
5.9	Hà Ngọc Tuấn					0	0	Anh trai vợ
5.10	Hạ Văn Tiến					0	0	Anh trai vợ
5.11	Nguyễn Thị Hồng					0	0	Chị dâu vợ
5.12	Nguyễn Thị Thúy Hằng					0	0	Chị dâu vợ
6	Đỗ Xuân Kiên		Phó Giám đốc		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	10 000	0.116	
6.1	Đỗ Văn Phúc							Bố đẻ
6.2	Nguyễn Thị Thoa							Mẹ đẻ
6.3	Nguyễn Văn Hùng							Bố vợ
6.4	Trần Thị Hương							Mẹ vợ
6.5	Nguyễn Thị Minh Hằng							Vợ
6.6	Đỗ Minh Khôi							Con trai
6.7	Đỗ Minh Châu							Con gái
6.8	Đỗ Thị Nhẫn							Em gái
6.9	Nguyễn Thanh Tùng							Em trai vợ
6.10	Trần Thị Linh							Em dâu
7	Cao Thị Tuyết Lan		Kế Toán trưởng		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	3.700	0.04	
7.1	Cao Văn Nhật					0	0	Bố đẻ
7.2	Nguyễn Thị Đâu						0	Mẹ đẻ đã mất

7.3	Nguyễn Thị Tuyết					0	0	Mẹ kế
7.4	Chu Nhất Lâm					0	0	Chồng
7.5	Chu Văn Đức Huy					0	0	Con
7.6	Chu Đức Dũng					0	0	Con
7.7	Cao Thị Lộc					0	0	Em gái
7.8	Cao Minh Chính					0	0	Em trai
7.9	Cao Minh Hiếu					0	0	Em trai
7.10	Cao Minh Hiệp					0	0	Em trai
7.11	Chu Nhất Thắng					0	0	Bố chồng đã mất
7.12	Hoàng Thị Khuyên					0	0	Mẹ chồng đã mất
7.13	Quang Thị Tuyền					0	0	Em dâu
7.14	Nguyễn Trọng Bình					0	0	Em rể
8	Đỗ Thị Minh Nguyệt		Trưởng ban Kiểm soát		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	20.000	0.23	
8.1	Đỗ Văn Thái					0	0	Bố đẻ
8.2	Nguyễn Thị Tư					0	0	Mẹ chồng
8.3	Nguyễn Thị Thường					0	0	Mẹ đẻ đã mất
8.4	Nguyễn Văn Khánh					10.000	0.12	Chồng
8.5	Nguyễn Ngọc Toàn					0	0	Con
8.6	Nguyễn Thanh Vân					0	0	Con
8.7	Đỗ Thị Thuý Hằng					0	0	Em gái
8.8	Đỗ Quốc Hình					0	0	Em trai
8.9	Đỗ Quốc Hanh					0	0	Em trai
8.10	Đỗ Công Khanh					0	0	Em rể
8.11	Trương Thị Ngọc Trâm					0	0	Em dâu
8.12	Đào Thị Yến					0	0	Em dâu
9	Vũ Thị Thủy		TV Ban kiểm soát - TP.Tổ chức hành chính		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	5600	0.07	
9.1	Vũ Đình Gạt					0	0	Bố đẻ
9.2	Phạm Thị Thê					0	0	Mẹ đẻ đã mất
9.3	Nguyễn Văn Phú					0	0	Chồng
9.4	Nguyễn Phương Chi					0	0	Con
9.5	Nguyễn Phú Minh					0	0	Con
9.6	Vũ Thị Hiền					0	0	Chị gái
9.7	Vũ Ngọc Quỳnh					0	0	Em trai
9.8	Vuc Thành Công					0	0	Anh rể
9.9	Nguyễn Thị Oanh					0	0	Em dâu

10	Trần Thị Kim Thanh		TV Ban kiểm soát - TP.Kế hoạch vật tư		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	2000	0.02	
10.1	Trần Ngọc Tú					0	0	Bố đẻ đã mất
10.2	Nguyễn Thị Tính					0	0	Mẹ đẻ
10.3	Hoàng Trần Hùng					0	0	Chồng
10.4	Hoàng Trần Mạnh Cường					0	0	Con
10.5	Hoàng Trúc Hân					0	0	Con
10.6	Trần Thị Thanh Thủy					0	0	Em gái
10.7	Trần Thị Hoa Hương					0	0	Em gái
10.8	Trần Quang Dương					0	0	Em trai
10.9	Hoàng Văn Lự					0	0	Bố chồng
10.10	Trần Thị Chi					0	0	Mẹ chồng
10.11	Hoàng Thị Nghĩa Linh					0	0	Chị chồng
10.12	Đình Quốc Tuấn					0	0	Anh rể
10.13	Đình Thanh Dũng					0	0	Em rể
10.14	Phạm Huy Cường					0	0	Em rể
10.15	Nguyễn Thị Thúy Huyền					0	0	Em dâu
11	Trần Thị Tố Uyên		Phụ trách quản trị công ty - PTP.Tổ chức hành chính		65 phố An Trạch, Ô Chợ Dừa, Hà Nội	800	0.01	
11.1	Trần Ngọc Thái					0	0	Bố đẻ
11.2	Nguyễn Thị Khuyên					0	0	Mẹ đẻ
11.3	Đoàn Văn Hiền					0	0	Bố chồng
11.4	Nguyễn Thị Hồng Phương					0	0	Mẹ chồng
11.5	Đoàn Ngọc Hoàng							Chồng
11.6	Đoàn Ngọc Gia Nhi					0	0	Con
11.7	Đoàn Minh Đức					0	0	Con
11.8	Đoàn Đức Mạnh					0	0	Em trai chồng
11.9	Trần Hà My					0	0	Em gái đã mất
11.10	Ngô Thu Thảo					0	0	Em dâu

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty: Không có

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TK.



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Trần Đông



DANH SÁCH GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN NĂM 2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
I	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn	5700100256	Số 03, Đường Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.	16/6/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lưu trữ tài liệu thẩm dò bằng phương pháp scan và nhập dữ liệu vào hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu địa chất TKV. Số 0616.2/HĐ-VBG có giá trị HĐ là 220.760.801 đồng	
					31/3/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	HĐ giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (thuộc Chương trình KH\$ CN trọng điểm của Tập đoàn giai đoạn 2026-2030). Số 43/HĐ-KHCN-KC.01.Đ 02-26/26-30 có giá trị HĐ là 2.498.000.000 đồng	
I.1	Công ty CP than Hà Lâm	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700101637	Số 01, Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Tỉnh Quảng Ninh	23/01/2026	14.1/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập phương án khoan TDBS (trong lò) năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới GPKT số 2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 và Quyết định số 2394/GP-BNNMT ngày 27/6/2025. Số 64/HĐ-HLC có giá trị HĐ là 90.658.615 đồng	
						04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập phương án khoan TDBS9Treen mặt) năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới GPKT số 2497/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 và Quyết định số 2394/GP-BNNMT ngày 27/6/2025. Số 134/HĐ-HLC có giá trị HĐ là 715.478.412	
					24/01/2026	14.1/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập phương án kỹ thuật, TKBVTC (thi công phương án)- Dự toán phương án Khoan TD BS (trên mặt) năm 2026 phục vụ khai thác khoáng sản trong ranh giới giấy phép khai thác khoáng sản số 1248/GP-BTNMT ngày 27/5/20215. Số 0124.1/HĐTV có giá trị HĐ là 343.321.384 đồng	
I.2	Công ty CP than Núi Béo	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700101700	Số 799, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	29/5/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập báo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi ranh giới giấy phép khai thác số 1248/GP-BTNMT. Số 0529.1/HĐDV có giá trị HĐ là 475.014.408 đồng	

				05/12/2025	07/NQ-VBG-HĐQT	Thi công khoan TDBS (trên mặt) năm 2026 phục vụ khai thác khoáng sản trong ranh giới GPKT khoáng sản số 1248/GP-BTNMT ngày 27/5/2015. Số 0512.1/HĐDV có giá trị HĐ là 14.969.348.931 đồng	
				03/02/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập các phương án kỹ thuật- Dự toán Quan trắc dịch động mặt bằng +47, +44; Quan trắc dịch động hầm lò. Số 66/HĐKH-DV với giá trị HĐ là 58.960.231 đồng	
				26/6/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công lập báo cáo phương án quan trắc dịch động mặt bằng +47, +44. Quan trắc dịch động trong lò. Số HĐ 202/HĐ-KH có giá trị HĐ là 3.050.084.216 đồng	
				04/06/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công khoan TDBS (khoan trên mặt) năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong ranh giới GPKT số 2500/GP-BTNMT ngày 28/11/2008 mỏ than Khe Tam. Số 118/HĐ-KH có giá trị HĐ là 35.917.389.598 đồng	
				28/4/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000 khu vực mỏ than Đồng Vông. Số 83/HĐDV có giá trị HĐ là 786.662.949 đồng .	
				03/04/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập đề án KT, TKBVTC (đề án thi công)- Dự toán: Đề án TDBS NC tài nguyên, trữ lượng trong phạm vi ranh giới giấy phép khai thác số 156/GP-BNNMT ngày 28/5/2025 khu Tân Yên mỏ Đồng tràng Bạch. Số 54/HĐDV có giá trị HĐ là 494.344.063 đồng	
				02/02/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập phương án kỹ thuật và dự toán: Quan trắc dịch động bờ mỏ khai trường Bắc Bàng Danh; Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000. Số HĐ 69/HĐ-VHTC có giá trị HĐ là 40.403.924 đồng	
				12/3/2025	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công và lập báo cáo các phương án: Quan trắc dịch động bờ mỏ khai trường Bắc Bàng Danh; Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000. Số HĐ 381/HĐ-VHTC có giá trị HĐ là 1.953.734.551 đồng .	
I.3	Công ty than Dương Huy	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700100256032	Tổ 5, Khu phố Trần Hưng Đạo, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh.			
I.4	Công ty than Ưông Bí	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700100256065	Tổ 17, Khu Trung Vương, Phường Vàng Danh, Tỉnh Quảng Ninh			
I.5	Công CP than Hà Tu	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700101323	Tổ 6, Khu 3, Phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh			

I.6	Công ty tuyển than Hòa Gai	Đơn vị có liên quan của cổ đồng lớn	5700100256002	Số 46, Phố Đoàn Thị Điểm, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	3/3/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	HĐ Khảo sát, thành lập bổ sung mốc đo vẽ; Đo đạc bản đồ ĐH và tính khối lượng than, SPNT tồn kho. Số 54/HĐ-TTHG có giá trị HĐ là 2.309.119.702 đồng	
I.7	Công ty than Nam Mẫu	Đơn vị có liên quan của cổ đồng lớn	5700100256058	Số 1A, Trần Phú, Phường Ưng Bí, Tỉnh Quảng Ninh	04/02/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Thị công đề án TD mở than Nam Mẫu thuộc phường Yên Từ tỉnh Quảng Ninh theo Giấy phép TD khoáng sản số: 374/GP- BNNMT ngày 17/9/2025. Số 344/HĐ-TNM có giá trị HĐ là 187.565.713.560 đồng	
					13/3/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ		Lập đề án TD (Đề án KT) mở than Bảo Đài II, tỉnh Bắc Ninh. Số 223/HĐ-TNM có giá trị HĐ là 5.188.134.657 đồng	
								Thị công phương án khoan TD năm 2026 phục vụ khai thác. Số 153/HĐ-TNM có giá trị HĐ là 66.778.846.236 đồng	
					16/3/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ		Cung cấp dịch vụ khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập báo cáo KTKT dự án: Xây dựng nhà giao ca phân xưởng băng tải. Số 23/2026/HĐ-KHTT có giá trị HĐ là 60.964.734 đồng	
					10/4/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ		Lập phương án thi công và dự toán Khoan TDBS năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới giấy phép khai thác số 239/GP-BNNMT ngày 30/6/2025 mở than Na Dương. Số 0776/HĐ-KTKH có giá trị HĐ là 18.770.273 đồng	
I.8	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP	Đơn vị có liên quan của cổ đồng lớn	100100015	Số 1 Phan Đình Giới, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	23/01/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Lập phương án KT và dự toán khoan TDBS để phục vụ khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới GPKT số 239/GP- BNNMT ngày 30/6/2025 mở than Na Dương. Số 0345/HĐ- KTKH có giá trị HĐ là 33.373.788 đồng	
					18/5/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ		Thị công khoan thăm dò BS năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới GPKT số 239/GP-BNNMT ngày 30/6/2025 mở than Na Dương. Số 1472/HĐ-KTKH có giá trị HĐ là 2.108.572.223 đồng	

					12/5/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công khoan TDBS để phục vụ đánh giá ổn định khu III bờ trụ vĩa 4 mỏ than Na Dương (GPKT số 239/GP-BNNMT ngày 30/6/2025). Số 1409/HĐ-KTKH có giá trị HĐ là 6.747.299.701 đồng	
I.9	Công ty CP than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5702162138	Số 42, Phố Kim Đồng, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.	04/06/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công khoan TDBS năm 2026 để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi ranh giới GPKT số 202/GP-BNNMT ngày 18/6/2025. Số 04.2.20/HĐ-TĐNCS có giá trị HĐ là 5.006.423.552 đồng	
I.10	Công ty CP than Cao Sơn	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5702053837	Tổ 01, Khu Cao Sơn, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.	25/5/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công Quan trắc dịch động, đo vẽ bản đồ địa hình. Số 3812/HĐ-TCS-KH có giá trị HĐ là 1.464.931.319 đồng	
I.11	Công ty CP than Vùng Danh - Vinacomin	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700101877	Số 969 đường Bạch Đằng, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.	13/3/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Quan trắc dịch động khu nhà điều hành khu Cánh gà và tuyến băng tải vận chuyển than về NMTVD2. Số 186/HĐ-TVD-KH với giá trị HĐ là 721.953.100 đồng .	
I.12	Công ty than Quang Hanh - TKV	Đơn vị liên quan của cổ đông lớn	5700100256059	Số 302, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.	15/5/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công lập báo cáo kết quả thi công các phương án: Quan trắc dịch động các bãi thải. Số 173/HĐ-VQHC-KH với giá trị của HĐ là 2.508.475.891 đồng	
I.14	Công ty CP than Mông Dương	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	5700101203	Toor, Khu 3, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh.	20/5/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công, lập báo cáo kết quả thi công các phương án Quan trắc dịch động hầm lò. Số 275/HĐ-KHMD có giá trị HĐ là 1.894.014.204 đồng	
						04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thi công, lập báo cáo kết quả thi công phương án Quan trắc kiểm tra điều kiện vận hành giếng đứng. Số 276/HĐ-KHMD có giá trị HĐ là 1.072.084.628 đồng	
					22/01/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thành lập lưới giải tích 1, đo vẽ bản đồ nền kho than tỷ lệ 1/200 kho than số 2 thuộc Trạm chế biến và Kinh doanh than Tâm Đức- Công ty Kinh doanh than Hải Phòng. Số 0122.1/HĐ/THP-VBG với giá trị HĐ là 83.614.024 đồng	
I.15	Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	100100689	Số 5, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	14/03/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thành lập lưới giải tích, đo vẽ bản đồ nền kho than tỷ lệ 1/200 tại Kho trung chuyển Gò Dầu thuộc Trạm giao nhận và kinh doanh than Miền Nam trực thuộc Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin. Số 02/2026/TMB-VBG với giá trị HĐ là 147.614.732 đồng .	

I.16 Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP	Đơn vị có liên quan của cổ đông lớn	100103087	Số 193, Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	02/02/2026	14.1/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Cấm mốc ranh giới theo giấy phép TD khoáng sản số 548/GP-BNNMT. Số 35/2026/HĐKT-ĐTP-VB có giá trị HĐ là 145.199.434 đồng	
				22/4/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Thực hiện Đề án TD NCTL mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Số 640/2026/HĐ có giá trị HĐ là 8.769.442.338 đồng	HĐ Liên danh
				02/02/2026	14.1/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Thực hiện gói cung cấp: Lập phương án KT, phương án TC-Dự toán TD BS để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi GPKT số 2681/GP-BTNMT ngày 27/12/2013 mỏ đồng Tà Phời. Số 37/2026/HĐTV/ĐTP-VB có giá trị HĐ là 108.929.734 đồng	
				14/5/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Tư vấn lập phương án thi công và dự toán đề án TD mỏ rông, xuống sâu khu mỏ đồng Tà Phời. Số 43/2026/HĐ ĐTMT/ĐTP-VBG có giá trị HĐ là 732.047.327 đồng .	
				06/02/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Thi công TDBS để phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản trong phạm vi GPKT số 2681/GP-BTNMT ngày 27/12/2013. Số 167/2026/HĐTC/ĐTP-VB có giá trị HĐ là 5.290.229.153 đồng	
				18/3/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 2681/GP-BTNMT ngày 27/12/2013 mỏ đồng Tà Phời. Số 70/2026/HĐKT-ĐTP-VB có giá trị HĐ là 497.167.395 đồng	
				26/5/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Lập đề án TD mỏ rông, xuống sâu khu mỏ đồng Vi Kẽm. Số 125/2026/HĐTV-LĐAMVK có giá trị HĐ là 456.475.926 đồng	
				30/1/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Lập phương án KT, TKBVTC và dự toán khoan trong lò phục vụ khai thác mỏ đồng Vi Kẽm. Số 18/2026/HĐTV-LPATL có giá trị HĐ là 130.555.556 đồng	
				27/3/2026	04/NQ-VBG- HĐQT và NQ 77/NQ- ĐHĐCĐ	Lập phương án KT, phương án thi công" Phương án và thi công+Báo cáo thành lập bản đồ cơ lý đá mỏ sắt Kíp Tước. Số 57/2026/HĐTV/KS3-VBG có giá trị HĐ là 14.301.354 đồng	

					10/4/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-BTNMT ngày 15/02/2024, mỏ sắt Kíp Tước. Số 65/2026/HĐ-KS3-VBG có giá trị HĐ là 395.390.840 đồng	
I.18	Công ty Thun Mạo Khê - TKV	Đơn vị liên quan của cổ đông lớn	5700100256-030	Khu Dân Chủ, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh	23/01/2026	14.1/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thực hiện gói cung cấp lập phương án KT, phương án thi công - Phương án thành lập bản đồ cơ lý đá hàm lò mỏ. Số 54/HĐ-TMK-KH có giá trị HĐ là 29.076.417 đồng	
					24/3/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Thực hiện Gói cung cấp thi công phương án thành lập bản đồ cơ lý đá hàm lò mỏ. Số 251/HĐ-TMK-KH có giá trị HĐ là 689.852.841 đồng.	
I.19	Công ty CP Than - Điện- Nông Sơn- TKV	Đơn vị liên quan của cổ đông lớn	4000463735	Thôn Nông Sơn, xã Nông Sơn, TP Đà Nẵng	27/03/2026	04/NQ-VBG-HĐQT và NQ 77/NQ-ĐHĐCĐ	Lập bản đồ chất lượng than năm 2026. Số 59/2026/HĐ-V.NSP có giá trị HĐ là 382.827.744 đồng	

